

Bản án số: 31/2018/KDTM-ST

Ngày 05.11.2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng

Tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Xoa**

- Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2018/TLST-KDTM ngày 05.02.2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-KDTM ngày 25.9.2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-KDTM ngày 11.10.2018 giữa:

*** *Nguy^{en}n* ®-n:** Ngân hàng TMCP V (V)

Địa chỉ trụ sở: 89 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Đình L.** Địa chỉ: 112 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Theo văn bản ủy quyền số 914/UQ-VPB ngày 11.12.2017)(Có mặt).

*** *Bị đơn:*** Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L

Địa chỉ: 338 - 340 - 342 đường A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: **Lê Minh D**; Chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt).

*** *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông **Lê Minh D**, sinh năm: 1966. Nơi ĐKKHKT: 244 đường B (cũ), K81/24 đường B (mới), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: 131 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Bà **Lê Minh Ngọc D.** Nơi ĐKKHKT: 244 đường B (cũ), K81/24 đường B (mới), phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

*** *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-ông Trần Đình L trình bày:***

Vào ngày 14.4.2016, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là V) và Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L (Sau đây gọi tắt là Công ty L) đã ký kết một hợp

đồng tín dụng số 080416-798572-01-SME, theo đó Công ty L vay vốn của V với tổng số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng); Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống của bên vay; phương thức cho vay: cho vay trả góp. Ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng cùng ngày 14.4.2016 Công ty L ký khế ước nhận nợ số:140416-798572-01-SME để giải ngân số tiền 144.000.000 đồng với thời hạn vay: 24 tháng (Từ ngày 14.4.2016 đến ngày 14.4.2018); Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 22,65%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14.7.2016. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 15%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Nợ gốc mỗi tháng phải trả 6.000.000 đồng và nợ lãi trả theo định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 bắt đầu trả từ 15.5.2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 14.4.2016 ông Lê Minh D - Giám đốc Công ty L đã ký hợp đồng bảo lãnh số 140416-798572-01-SME/HĐBL với V đồng ý dùng tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty L trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, các khoản phí, tiền phạt với bên V.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 16.3.2017 Công ty L vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong khế ước nhận nợ. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn V có đơn rút yêu cầu tính lãi phạt đối với Công ty L số tiền 3.133.373 đồng. Đề nghị Tòa án buộc Công ty L phải trả cho V tổng số tiền là 119.073.220 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 78.000.000 đồng, nợ lãi 41.073.220 đồng (Lãi suất tạm tính đến ngày 10.10.2018). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 11.10.2018 cho đến khi Công ty L thanh toán hết nợ cho V theo mức lãi suất mà các bên đã ký kết theo khế ước nhận nợ.

Trong trường hợp Công ty L không trả được nợ thì đề nghị ông Lê Minh D phải trả cho V toàn bộ số tiền theo hợp đồng bảo lãnh số 140416-798572-01-SME/HĐBL mà ông D đã ký với V vào ngày 14.4.2016.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa nhiều lần đối với người đại diện hợp pháp của Công ty L, ông Lê Minh D, bà Lê Minh Ngọc D để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên những người này đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ: Án lệ số 08; Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn VPBank đối với bị đơn Công ty L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” buộc Công ty L phải thanh toán cho V tổng số tiền 119.073.220 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 78.000.000 đồng, nợ lãi 41.073.220 đồng (Lãi suất

tạm tính đến ngày 10.10.2018). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 11.10.2018 theo án lệ số 08. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 335, 336, 339, 342 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Minh D, bà Lê Ngọc Minh D đều vắng mặt và không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V), Hội đồng xét xử thấy: Ngày 14.4.2016, Công ty L đã ký vào hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ với VPBank. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, VPBank đã cho Công ty L vay số tiền 144.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng; Lãi suất: 22,65%/năm; Mục đích vay là: Đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống của bên vay; Kỳ hạn trả nợ gốc mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ 15.5.2016 gồm 24 kỳ mỗi kỳ là 6.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L đã không trả nợ cho V như đã cam kết. Tại phiên tòa V yêu cầu Công ty L phải trả tổng số tiền: 119.073.220 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 78.000.000 đồng, nợ lãi 41.073.220 đồng (Lãi suất tạm tính đến ngày 10.10.2018). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 11.10.2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Trong trường hợp Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đề nghị Tòa án buộc ông Lê Minh Dũng có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty L theo hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo lãnh là ông Lê Minh D đã ký với V.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16.3.2017 Công ty L không tiếp tục thanh toán nợ gốc và lãi cho V theo thỏa thuận trong hợp đồng mặc dù V đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng qui định tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của V, buộc Công ty L phải trả cho V tổng số tiền là 119.073.220 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 78.000.000 đồng, nợ lãi 41.073.220 đồng (Lãi suất tạm tính đến ngày 10.10.2018). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 11.10.2018 theo án lệ số 08 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn V rút yêu cầu tính lãi phạt đối với Công ty L số tiền 3.133.373 đồng như đã yêu cầu trong đơn khởi kiện. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông Lê Minh D có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty L theo hợp đồng bảo lãnh số 140416-798572-01-SME/HĐBL mà ông D đã ký với V vào ngày 14.4.2016 HĐXX xét thấy: Theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng bảo lãnh quy định bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 080416-798572-01-SME ngày 14.4.2016....đồng thời quy định các trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Hợp đồng bảo lãnh này là do các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, không trái pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này của V. Trong trường hợp Công ty L không trả được nợ gốc, nợ lãi thì buộc ông Lê Minh D phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ trên và lãi phát sinh theo án lệ số 08 cho V là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm phát biểu về nội dung giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền còn phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng
- Áp dụng các Điều 463, 466, 335, 336, 339 và Điều 342 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L.

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền: 119.073.220 đồng (Một trăm mười chín triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 78.000.000 đồng, nợ lãi 41.073.220 đồng (Lãi suất tạm tính đến ngày 10.10.2018).

2. Kể từ ngày 11.10.2018 khách hàng vay là Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 080416-798572-01-SME ngày

14.4.2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L không trả được nợ thì ông Lê Minh D phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V theo hợp đồng bảo lãnh số 140416-798572-01-SME/HĐBL ngày 14.4.2016 do ông Lê Minh D ký kết với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đà Nẵng.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ L phải chịu: 5.953.661 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi một đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 2.514.137 đồng theo biên lai thu số 0001273 ngày 02.02.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Q. Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Thùy